Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 23.01.2019 10:15:39 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca của thuyền viên trên tàu biển năm 1978, sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Căn cứ Công ước Lao động hàng hải năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải[1].

---

[1] Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải."

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải, bao gồm: Điều kiện của cơ sở đào tạo, huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải; tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và các tổ chức, cá nhân liên quan đến đào tạo, huấn luyện, tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ước STCW là tên viết tắt của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca của thuyền viên trên tàu biển năm 1978, sửa đổi, bổ sung năm 2010 mà Việt Nam là thành viên.

2. Công ước MLC là tên viết tắt của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo, huấn luyện) là cơ sở huấn luyện thuyền viên làm việc trên tàu biển theo các quy định của Công ước STCW, được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quy định tại Nghị định này.

4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) là văn bản do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

5. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải là doanh nghiệp được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tuyển dụng, cung ứng lao động là thuyền viên làm việc trên tàu biển thông qua hình thức cho thuê hoặc cho thuê lại hoặc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy xác nhận) là văn bản do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải để xác nhận sự phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của Công ước MLC.

7. Tổ chức chứng nhận có thẩm quyền bao gồm Cục Đăng kiểm Việt Nam, tổ chức của Việt Nam hoặc tổ chức của nước ngoài được phép hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận hợp chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương II
ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Điều 4. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo[2]

1. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Có Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO do tổ chức chứng nhận có thẩm quyền cấp chậm nhất sau 18 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

3. Có cơ sở dữ liệu điện tử quản lý chứng chỉ nghiệp vụ của thuyền viên hàng hải để tra cứu theo quy định của Công ước STCW chậm nhất sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

Điều 5. Điều kiện về giảng viên và huấn luyện viên[3]

1. Giảng viên dạy lý thuyết phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với môn học hoặc chuyên ngành được phân công giảng dạy.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

2. Giảng viên và huấn luyện viên dạy thực hành phải có Giấy chứng nhận Huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương do Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) hoặc đơn vị được IMO công nhận cấp theo quy định của Công ước STCW; đã đảm nhiệm chức danh trên tàu biển với mức trách nhiệm sỹ quan quản lý theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định này, các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải còn phải tuân theo các quy định có liên quan của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 6. Điều kiện về chương trình đào tạo, huấn luyện

Có đủ chương trình đào tạo, huấn luyện, tài liệu giảng dạy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện;

c) Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản hướng dẫn cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 8. Cấp lại Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, bị hư hỏng hoặc có sự thay đổi các thông tin về cơ sở đào tạo, huấn luyện.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nộp trực tiếp hoặc gửi bằng hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về cơ sở đào tạo (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Khi cấp lại Giấy chứng nhận, Bộ Giao thông phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận mới về việc thay thế Giấy chứng nhận cũ và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện bị đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải trong các trường hợp sau:

a) Không duy trì một trong các điều kiện của cơ sở đào tạo, huấn luyện quy định tại Nghị định này;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền lợi nhà giáo, người học và người lao động trong cơ sở đào tạo, huấn luyện và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

3. Sau thời hạn đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra quyết định cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp tục hoạt động đào tạo, huấn luyện.

Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo, huấn luyện bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở đào tạo, huấn luyện chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện;

b) Cơ sở đào tạo, huấn luyện cố ý làm sai lệch thông tin khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận;

c) Cơ sở đào tạo, huấn luyện không tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải trong thời gian 18 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;

d) Hết thời hạn đình chỉ mà cơ sở đào tạo, huấn luyện không khắc phục được vi phạm là nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan biết, để phối hợp quản lý.

3. Cơ sở, đào tạo huấn luyện phải chấm dứt ngay hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 11. Đánh giá cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải

Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam:

1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải để đánh giá nội bộ về việc đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

2. Định kỳ 05 năm một lần, tổ chức đánh giá độc lập các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của Công ước STCW.

Chương III
CẤP GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG, CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Điều 12. Các trường hợp cấp Giấy xác nhận

Giấy xác nhận được cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tuyển dụng, cung ứng lao động là thuyền viên làm việc trên tàu biển thông qua hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thủ tục cấp Giấy xác nhận

1. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên.

2. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thông báo và hướng dẫn tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam phải cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cục Hàng hải Việt Nam thông báo thông tin về tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải được cấp Giấy xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 14. Cấp lại Giấy xác nhận

1. Giấy xác nhận được cấp lại trong các trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị mất, bị hư hỏng hoặc có thay đổi thông tin của tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

2. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải nộp trực tiếp hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về doanh nghiệp (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy xác nhận; trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Khi cấp lại Giấy xác nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải ghi rõ trong Giấy xác nhận mới về việc thay thế Giấy xác nhận cũ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 15. Thu hồi Giấy xác nhận

1. Giấy xác nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải không được cấp lại hoặc gia hạn hoặc bị thu hồi giấy phép thực hiện việc tuyển dụng, cung ứng thuyền viên làm việc trên tàu biển (giấy phép cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài);

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định thu hồi Giấy xác nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện quản lý.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;

b) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật về cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về quản lý hoạt động cho thuê, cho thuê lại thuyền viên của Việt Nam;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải, tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung công việc thuyền viên làm việc trên tàu biển vào Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động;

b) Hướng dẫn cụ thể về việc cấp phép cho thuê, cho thuê lại thuyền viên Việt Nam làm việc trên tàu biển nước ngoài;

c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc tổ chức thực hiện Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý đối với hoạt động đào tạo, huấn luyện và tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải tại Việt Nam.

4. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm và duy trì các điều kiện quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật trong suốt thời gian đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

5. Các doanh nghiệp tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm và duy trì các điều kiện quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật trong suốt thời gian tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Điều 17. Hiệu lực thi hành[4]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tổ chức đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải; các tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải đã được cấp giấy phép hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện hoạt động cho đến khi hết thời hạn đã được chấp thuận hoặc cấp phép. Sau thời hạn này, các cơ sở đào tạo, huấn luyện, các tổ chức nêu trên phải thực hiện đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận theo quy định tại Nghị định này.

---

[4]Điều 7 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./."

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 06/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2018

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

PHỤ LỤC

MẪU CÁC VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN

(Kèm theo Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên mẫu văn bản
Mẫu số 01	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
Mẫu số 02	Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.
Mẫu số 04	Tờ khai cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.
Mẫu số 05	Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Mẫu số 01

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày tháng năm 20...*

TỜ KHAI
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

1. Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo, huấn luyện khác (nếu có):.....

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập số:..... cấp ngày.... tháng..... năm.....

Cơ quan cấp:.....

4. Họ và tên Hiệu trưởng/Giám đốc/Người đứng đầu.....

5. Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện được đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải:

Hồ sơ kèm theo gồm:

.....

.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo./.

Nơi nhận: - Như trên; -..... - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 02[5]

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

BÁO CÁO THUYẾT MINH CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

I. THỰC TRẠNG CHUNG

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo chung của cơ sở

a) Các công trình, phòng học, phòng thực hành, thực tập, các công trình phụ trợ..... sử dụng chung

b) Các trang thiết bị giảng dạy sử dụng chung

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, huấn luyện viên

Tổng số cán bộ quản lý, giảng viên, huấn luyện viên....., trong đó:

- Cán bộ quản lý:.....

- Giảng viên, huấn luyện viên:....., trong đó:

+ Giảng viên dạy lý thuyết:.....

+ Giảng viên, huấn luyện viên dạy thực hành:.....

+ Kiêm chức.....

3. Nội dung khác (nếu có).

II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

1. Tại trụ sở chính

a) Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện..... (1)

- Cơ sở vật chất:

+ Số phòng học lý thuyết:.....

+ Số phòng học thực hành:.....

+ Số xưởng thực hành:.....

+ Số phòng mô phỏng:.....

+ Số tàu huấn luyện:.....

[5] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

- Trang thiết bị đào tạo, huấn luyện:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

- Giảng viên, huấn luyện viên

Tổng số giảng viên, huấn luyện viên dạy chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện:..... trong đó:

+ Giảng viên dạy lý thuyết.....

+ Giảng viên, huấn luyện viên dạy thực hành.....

+ Giảng viên, huấn luyện viên kiêm chức (nếu có):.....

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ sư phạm (2)	Thời gian đảm nhận chức danh (3)	Môn học/học phần dự kiến phân công giảng dạy
1					
2					
...					

Có hồ sơ minh chứng (bằng cấp, chứng chỉ.... của giảng viên, huấn luyện viên) kèm theo

- Danh mục chương trình, giáo trình, tài liệu, ấn phẩm, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo, huấn luyện (liệt kê danh mục)

b) Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện..... (4)

(Trình bày như điểm a khoản 1 nêu trên)

2. Tại trụ sở phân hiệu/địa điểm đào tạo khác

(Trình bày như khoản 1 nêu trên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Tên Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện thứ nhất

(2): Chứng nhận Huấn luyện viên chính hoặc tương đương

(3): Thời gian đảm nhận chức danh thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan quản lý, sỹ quan boong, sỹ quan máy...

(4): Tên Chương trình/khóa đào tạo, huấn luyện thứ hai, thứ ba....

Mẫu số 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /GCN-BGTVT *Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Chứng nhận:

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đủ điều kiện tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải sau:

1 ..... (tên khóa đào tạo, huấn luyện).....

2 ..... (tên khóa đào tạo, huấn luyện).....

3 ..... (tên khóa đào tạo, huấn luyện).....

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

TỜ KHAI
CẤP GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Tổ chức đề nghị:.....

Tên giao dịch:.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:.....

.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp, cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1. ..... 4 .....

2. ..... 5.....

3. ..... 6 .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT,....

Mẫu số 05

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUPLIC OF VIETNAM

Số.....
No:

GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

CERTIFICATE OF ENDORSMENT FOR SEAFARER RECRUITMENT AND PLACEMENT SERVICE PROVIDERS

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

Pursuant to the Government's Decree No 29/2017/NĐ-CP dated 20/3/2017 on conditions for seafarer's training facilities and the issuance Certificate of compliance for seafarer recruitment and placement service providers;

Cục Hàng hải Việt Nam xác nhận:

Vietnam Maritime Administration certified:

Tên tổ chức.....
Name of organization.....
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....
Number of Certificate of business registration:.....
Ngày cấp:....., Nơi cấp:.....
Date of issue....., Place of issue:.....
Địa chỉ:.....
Address:.....
Điện thoại (Tel):..... Fax:..... Email:.....
phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định 1.4 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006.

endorsement for seafarer recruitment and placement service providers according to the regulation 1.4 of Maritime Labour Convention 2006.

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày..... đến ngày.....
This Certificate is valid from..... to .....

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION
(Ký, đóng dấu)